

Bản án: 20/2020/ HNGĐ - ST

Ngày 09 / 12 / 2020

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Văn Khôi
2. Bà Vi Thị Tú

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phụng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2020/HNGGD - ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXX- ST ngày 28 tháng 10 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/HNGGD-ST ngày 19/11/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1995; Có mặt
Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Lương Văn N, sinh năm 1989; Vắng mặt không lý do
Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

a) Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lương Văn N vào ngày 07 tháng 3 năm 2018, trước khi cưới hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, hai gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện S. Cưới xong chị về gia đình anh N ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Xảy ra từ đầu năm 2019, do cách sống không hợp nhau, bảo nhau không ai nghe ai nên vợ chồng hay cãi nhau và đánh nhau nhiều lần; vợ chồng đã sống ly thân tình cảm từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh N được ly hôn nhau.

b) Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Lương Hoàng P, sinh ngày 10/12/2018, hiện cháu đang ở cùng anh N, nếu ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi con, về cấp dưỡng chị không có yêu cầu. Chị hiện nay làm công nhân tại công ty, mức thu nhập khoảng 9.000.000đ/tháng, chị đảm bảo việc nuôi con.

c) Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Bị đơn anh Lương Văn N xác nhận một phần lời khai của chị L trong quá trình tham gia tố tụng anh trình bày:

a) Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Hoàng Thị L vào cuối năm 2018, trước khi cưới hai bên tự do tìm hiểu, tự nguyện đến lấy nhau và được hai bên gia đình tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y. Cưới xong chị L về gia đình anh ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Xảy ra từ đầu năm 2019, do tính cách sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau nhiều lần và có đánh nhau; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay và không ai quan tâm đến ai nữa.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị L xin ly hôn anh không đồng ý, anh muốn vợ chồng về sống đoàn tụ.

b) Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Lương Hoàng P, sinh ngày 10/12/2018, hiện cháu đang ở cùng anh, nếu ly hôn anh có nguyện vọng xin được nuôi con, về cấp dưỡng anh không có yêu cầu. Anh hiện nay làm nông nghiệp và nghề tự do, mức thu nhập khoảng 8.000.000đ/tháng, anh đảm bảo việc nuôi con.

c) Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà chị Hoàng Thị L vẫn giữ nguyên ý kiến của mình xin được ly hôn anh N, anh N không đồng ý.

* Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành là vi phạm về nghĩa vụ.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị L và anh Lương Văn N được ly hôn nhau.

Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị L nuôi dưỡng cháu Lương Hoàng P, sinh ngày 10/12/2018; về cấp dưỡng nuôi con chị L không có yêu cầu.

Về tài sản: Anh N, chị L không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị L hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lương Văn N, hiện chị L và anh N đang cư trú tại huyện Sơn Động. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

a) Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Hoàng Thị L, bị đơn anh Lương Văn N, những tài liệu, chứng cứ do các bên xuất trình và do Tòa án thu thập thì có cơ sở xác định: Chị Hoàng Thị L kết hôn với anh Lương Văn N vào ngày 07 tháng 02 năm 2018 trên cơ sở có sự tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y số 15 ngày 07/3/2018; cưới xong chị L về ở cùng gia đình anh N luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc; xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N là hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau thì mâu thuẫn xảy ra bắt đầu từ tháng 5 năm 2020, do cách sống không hợp nhau, không quan tâm đến nhau, bảo nhau không ai nghe ai nên vợ chồng cãi nhau và đánh nhau nhiều lần, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay, chị L đã về bên ngoại ở. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh N được ly hôn nhau, anh N không đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh N đã sống ly thân một thời gian dài mà không đoàn tụ được, hai bên không còn thương yêu chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc đến nhau và cùng nhau chia sẻ, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đã vi phạm nghĩa vụ chung

sống vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị Hoàng Thị L và anh Lương Văn N được ly hôn nhau theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

b) Về con chung: Chị L và anh N có 01 con chung là cháu Lương Hoàng P, sinh ngày 10/12/2018, hiện nay cháu đang ở cùng anh N; nếu ly hôn chị L và anh N đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy, chị L và anh N đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung, nhưng hiện cháu P còn nhỏ dưới 3 tuổi nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của chị L và chị L đủ điều kiện nuôi con; vì vậy, cần giao cháu Phong cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng theo Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; nguyện vọng nuôi con của anh N không được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

c) Về tài sản: Anh N, chị L đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

d) Về án phí: Chị Hoàng Thị L thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí DSST ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị L và anh Lương Văn N được ly hôn nhau.

[2] Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị L nuôi dưỡng cháu Lương Hoàng P, sinh ngày 10/12/2018. Về cấp dưỡng nuôi con chị L không có yêu cầu.

Anh N có quyền thăm con sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh N.

[3] Về án phí: Chị Hoàng Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Hoàn trả chị L số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000đ, biên lai số AA/2010/007217 ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Án xử sơ thẩm; báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Yên Định;
- Lưu .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Toàn